

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2017/DS-PT

Ngày: 19/6/2017

*V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Văn Thường

2. Bà Nguyễn Thúy Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trí là thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở TAND tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2015/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2015/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2015 của TAND huyện Tuy P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Bình Định – Phòng giao dịch huyện Tuy P; Địa chỉ: Số 15 Trần Quang D, thị trấn Tuy P, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – Phó giám đốc (Văn bản ủy quyền số 106/UQ-NHCS ngày 19/8/2013 của giám đốc). (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Mai Thị Như T; Trú tại: Thôn Giang N, xã Phước H, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Mai Thị Tuyết N; Trú tại: Thôn Phong T, thị trấn Tuy P, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mai Thị Như T: Bà Trần Thị Kim L – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trần Thị C (Vắng mặt).

3.2 Ông Trương Thượng H (Vắng mặt).

Đều trú tại: Giang N, Phước H, Tuy P, Bình Định.

3.3 Bà Nguyễn Thị Thanh Q; Đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Mai Thị Như T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn T là đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/6/2009 bà Mai Thị Như T đến Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tuy P vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo số tiền 30.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi bò, heo với lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, trong 24 tháng được hỗ trợ lãi suất là 0,325%/ tháng (Theo Quyết định số 579/QĐ-TTg), lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay (0,845%/ tháng), thời hạn cho vay 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/6/2011. Bà T đã trả gốc 20.000.000 đồng và lãi 2.586.067 đồng. Đến ngày 14/5/2015 bà T còn nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 162.350 đồng, nợ lãi quá hạn 2.960.317 đồng, tổng cộng 13.122.666 đồng.

Ngày 22/11/2010 bà Tài đến Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tuy P vay vốn theo chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 0,9%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay (1,17%/ tháng), thời hạn cho vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/11/2015. Bà T chưa trả gốc, đã trả lãi 1.054.200 đồng. Đến ngày 14/5/2015, bà T còn nợ gốc 7.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 443.100 đồng, nợ lãi quá hạn 2.454.270 đồng, tổng cộng 9.897.370 đồng.

Ngân hàng CSXH yêu cầu bà T phải trả nợ hai khoản vay trên và trả tiền lãi phát sinh mới, không chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh Q trả nợ thay.

Bị đơn bà Mai Thị Như T trình bày:

Bà công nhận có vay tiền như đại diện Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tuy P trình bày. Việc vay tiền và trả nợ đều thông qua bà Nguyễn Thị Thanh Q. Sau khi nhận tiền vay nước sạch, vệ sinh môi trường, bà Q mượn lại 7.000.000 đồng, có viết giấy ngày 22/11/2010 và cam kết sẽ trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Đối với khoản vay hộ nghèo, bà đã trả cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tuy P (03 lần) 30.000.000 đồng và trả hết tiền lãi thông qua bà Quản nhưng bà Q chỉ thanh toán cho Ngân hàng 20.000.000 đồng tiền gốc, bà Quản chiếm dụng riêng 10.000.000 đồng. Nay Ngân hàng CSXH huyện Tuy P khởi kiện thì bà Q phải trả cho Ngân hàng CSXH.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C trình bày: Việc con bà là Mai Thị Như T vay hai khoản tiền của Phòng giao dịch NH CSXH huyện Tuy P bà không biết, bà không đồng ý trả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Q trình bày:

Năm 2007 bà làm Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn Hội Phụ nữ thôn Giang N. Bà được Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tuy P ủy quyền làm thủ tục cho chị em vay và thu tiền gốc, lãi trả cho Ngân hàng. Từ sau năm 2010, Ngân hàng thu tiền gốc và không làm giấy ủy quyền cho bà nữa. Bà công nhận lời trình bày của bà T là đúng. Tòa án đã xét xử hình sự buộc vợ chồng bà có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bà T nên trong vụ án này bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tuy P, bà không còn liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thượng H: :

Ông không đồng ý trả nợ cùng với bà Nguyễn Thị Thanh Q – vợ ông trả nợ cho bà Mai Thị Như T vì việc vay tiền giữa bà T với Ngân hàng và bà Q như thế nào ông không hay biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2015/DSST ngày 14.5.2015 của Tòa án nhân dân huyện Tuy P đã xử:

Buộc bà Mai Thị Như T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CSXH số nợ vay theo chương trình cho vay hộ nghèo là 13.122.666 đồng, gồm nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 162.350 đồng; nợ lãi quá hạn 2.960.317 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử bà T còn phải chịu tiền lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn là 0,845%/ tháng trên dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc.

Buộc bà Mai Thị Như T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CSXH số nợ vay theo chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường là 9.897.370 đồng, gồm nợ gốc 7.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 443.100 đồng; nợ lãi quá hạn 2.454.270 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử bà T còn phải chịu tiền lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn là 1,17%/ tháng trên dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí DSST và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22 tháng 6 năm 2015 bị đơn bà Mai Thị Như T kháng cáo với nội dung yêu cầu tòa buộc bà Nguyễn Thị Thanh Q phải trả nợ cho Ngân hàng CSXH.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến đề nghị: Bác kháng cáo của bà Mai Thị Như T; Sửa bản án sơ thẩm đối với khoản vay nước sạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Mai Thị Như T thừa nhận đã vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tuy P 02 khoản gồm: Khoản vay theo Chương trình cho vay hộ nghèo để chăn nuôi vào ngày 11.6.2009 số tiền 30.000.000 đồng và khoản vay theo

Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường là 7.000.000 đồng vào ngày 22.11.2010. Theo Ngân hàng, bà T đã trả 20.000.000 đồng nợ gốc và 2.586.067 đồng tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng; tính đến ngày 14.5.2015 bà T còn nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 162.350 đồng, nợ lãi quá hạn 2.960.317 đồng tổng cộng là 13.122.666 đồng.

Đối với khoản vay 7.000.000 đồng, Ngân hàng cho rằng tính đến ngày 14.5.2015 bà T còn nợ gốc 7.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 443.100 đồng, nợ lãi quá hạn 2.454.270 đồng tổng cộng 9.897.370 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà Mai Thị Như T phải trả hai khoản tiền nêu trên và lãi phát sinh mới. Còn bà T cho rằng khoản vay 30.000.000 đồng bà đã trả xong cho Ngân hàng thông qua bà Nguyễn Thị Thanh Q là tổ trưởng Tổ vay vốn phụ nữ thôn Giang N; riêng khoản vay 7.000.000 đồng theo Chương trình nước sạch thì sau khi bà nhận tiền từ Ngân hàng, bà đã cho bà Q vay lại, bà Q viết giấy vay và cam kết trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng vì vậy bà yêu cầu bà Q phải trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại các phiên tòa hình sự xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thanh Q với tội danh: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bà T đều tham gia với tư cách là người bị hại trong vụ án nhưng bà không kháng cáo hay khiếu nại các Bản án hình sự nên phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2014/HS-ST ngày 18/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tuy P buộc bị cáo Q phải bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 11.734.050 đồng (trong đó có 10.000.000 đồng nợ gốc và 1.734.050 đồng nợ lãi) đã có hiệu lực pháp luật. Riêng số tiền 7.000.000 đồng là khoản vay theo chương trình nước sạch, bà T đã cho bà Q vay lại đây là giao dịch dân sự giữa bà với bà Q không liên quan đến Ngân hàng do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Mai Thị Tuyết N là người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà T đã trả xong khoản vay 7.000.000 đồng cho Ngân hàng, Ngân hàng công nhận bà T đã trả được 6.900.000 đồng nợ gốc, còn nợ gốc 100.000 đồng vào ngày 12.6.2015 vì vậy Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm đối với khoản vay 7.000.000 đồng, bà T còn phải trả cho Ngân hàng 100.000 đồng nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Mai Thị Như T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 08872 ngày 30/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy P.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471; 474, 476; 478 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị Như T; Sửa bản án sơ thẩm.

Buộc bà Mai Thị Như T phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng giao dịch huyện Tuy P 13.122.666 đồng (khoản vay chăn nuôi).

Buộc bà Mai Thị Như T phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng giao dịch huyện Tuy P 100.000 đồng nợ gốc (khoản vay nước sạch, vệ sinh môi trường).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Mai Thị Như T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị Như T được miễn toàn bộ. Bà T được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 08872 ngày 30.7.2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy P.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy P;
- Chi cục THADS huyện Tuy P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thường Nguyễn Thúy Liên

Hồ Tuấn Anh